SAO Y; Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang; 05/12/2024; 14:57:52; +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 96 /2024/QĐ-UBND	*Kiên Giang, ngày 03 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 362/TTr-STC ngày 31 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định về khoán kinh phí sử dụng xe ô tô; hình thức; công đoạn và đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang.

b) Những nội dung liên quan đến khoán kinh phí sử dụng xe ô tô không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn Nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang.

b) Doanh nghiệp do Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động nắm giữ 100% vốn điều lệ, bao gồm cả

các doanh nghiệp là công ty con và đơn vị trực thuộc (sau đây gọi là doanh nghiệp Nhà nước).

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Quy định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô

1. Đối tượng thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh (trường hợp các chức danh này tự nguyện nhận khoán kinh phí sử dụng xe ô tô).

b) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương cấp tỉnh;

d) Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện;

đ) Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc và các chức danh tương đương tại doanh nghiệp Nhà nước;

e) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao thực hiện nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị; danh mục nhiệm vụ đặc thù được quy định cụ thể tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

g) Trường hợp cần thiết do yêu cầu công tác, ngoài các đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước quyết định việc thực hiện việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định.

h) Riêng các chức danh thuộc cơ quan, đơn vị của Đảng ở địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 21 Nghị định 72/2023/NĐ-CP.

2. Công đoạn khoán kinh phí sử dụng xe ô tô

a) Đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại.

b) Đi công tác.

3. Hình thức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô

a) Hình thức khoán theo km thực tế

Đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại: Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định trên cơ sở số km từ nơi ở đến cơ quan (2 lần/ngày), số ngày làm việc thực tế trong tháng và đơn giá khoán.

Đối với công đoạn đi công tác: Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định trên cơ sở số km thực tế của từng lần đi công tác và đơn giá khoán.

b) Hình thức khoán gọn

Đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại: Căn cứ khoảng cách bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày đưa, đón bình

quân hàng tháng của các chức danh có tiêu chuẩn, đơn giá khoán để xác định mức khoán gọn áp dụng cho các chức danh.

Đối với công đoạn đi công tác: Căn cứ số km bình quân đi công tác hàng tháng theo yêu cầu công việc của các chức danh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước và đơn giá khoán.

4. Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với công đoạn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại

a) Hình thức khoán theo km thực tế

Mức khoán (đồng/tháng)	=	Số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (km)	x	Số ngày làm việc thực tế trong tháng (ngày)	x	Đơn giá khoán (đồng/km)

Trong đó:

Số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại là khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất (mà xe ô tô kinh doanh vận tải loại 4 chỗ ngồi được phép lưu thông) từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại của chức danh nhận khoán;

Số ngày làm việc thực tế trong tháng là số ngày chức danh nhận khoán thực tế làm việc tại cơ quan (bao gồm cả ngày làm thêm vào các ngày thứ 7, chủ nhật hoặc các ngày nghỉ lễ, nếu phát sinh).

b) Hình thức khoán gọn

Hình thức khoán gọn được áp dụng đối với tất cả các chức danh hoặc áp dụng đối với từng chức danh đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế, khoảng cách từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại của các chức danh nhận khoán. Mức khoán được xác định như sau:

Mức khoán (đồng/tháng)	=	Số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (km)	x	Số ngày đưa đón bình quân hàng tháng (ngày)	x	Đơn giá khoán (đồng/km)

Trong đó:

Số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại được tính theo tổng số km thực tế ngắn nhất từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (mà xe ô tô kinh doanh vận tải loại 4 chỗ ngồi được phép lưu thông) của tất cả các chức danh nhận khoán chia (:) tổng số chức danh thuộc đối tượng khoán (trường hợp áp dụng đối với tất cả các chức danh); được tính theo số km thực tế ngắn nhất từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại (mà xe ô tô kinh doanh vận tải loại 4 chỗ ngồi được phép lưu thông) của từng chức danh nhận khoán (trường hợp áp dụng đối với từng chức danh).

Số ngày đưa đón bình quân hàng tháng (ngày/tháng): 22 ngày.

5. Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với công đoạn đi công tác

Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng xe ô tô quy định áp dụng khoán cho toàn bộ công đoạn đi công tác hoặc từng công đoạn (ví dụ: khoán khi đi công tác trong nội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; khoán đi công tác trên địa bàn của huyện,...); mức khoán kinh phí đối với công đoạn đi công tác được xác định như sau:

a) Hình thức khoán theo km thực tế

Mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công đoạn đi công tác trong trường hợp áp dụng hình thức khoán theo km thực tế được xác định như sau:

Mức khoán (đồng/tháng)	=	Tổng số km thực tế của từng lần đi công tác (km)	x	Đơn giá khoán (đồng/km)

Trong đó: Tổng số km thực tế của từng lần đi công tác được xác định trên cơ sở khoảng cách thực tế của lộ trình di chuyển ngắn nhất từ cơ quan đến các địa điểm công tác (mà xe ô tô kinh doanh vận tải được phép lưu thông) các đợt công tác của từng chức danh nhận khoán.

b) Hình thức khoán gọn

Hình thức khoán gọn được áp dụng đối với tất cả các chức danh hoặc áp dụng đối với từng chức danh trong trường hợp đi công tác thường xuyên trong tháng (tổng số ngày đi công tác chiếm trên 50% tổng số ngày làm việc trong tháng theo quy định của Bộ luật Lao động) của các chức danh áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô.

Mức khoán được xác định như sau:

Mức khoán (đồng/tháng)	=	Số km đi công tác bình quân hàng tháng (km)	x	Đơn giá khoán (đồng/km)

Trong đó: Số km đi công tác bình quân hàng tháng được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của tất cả các chức danh áp dụng khoán chia (:) Tổng số chức danh áp dụng khoán chia (:) 12 tháng (trường hợp áp dụng đối với tất cả các chức danh); được xác định trên cơ sở tổng số km đi công tác thực tế của 12 tháng trong năm trước khi áp dụng khoán kinh phí sử dụng xe ô tô của từng chức danh chia (:) 12 tháng (trường hợp áp dụng đối với từng chức danh).

- Đối với đi công tác trong tỉnh thuộc địa bàn thành phố Phú Quốc, huyện Kiên Hải mức khoán được tính bằng giá vé phương tiện vận tải tàu thủy cộng chi phí di chuyển từ nơi đi công tác đến bến tàu và từ bến tàu đến nơi công tác.

- Đối với mức khoán đi công tác tại các địa điểm phải vận chuyển bằng máy bay và các nơi phương tiện giao thông công cộng còn hạn chế, thực hiện khoán kinh phí đi công tác nhưng không vượt giá vé máy bay theo giá dịch vụ tương đương trên thị trường.

6. Đơn giá khoán

Đơn giá khoán (được xây dựng tại thời điểm giá xăng là 23.000 đồng/lít) áp dụng theo độ dài đoạn đường đưa đón hoặc đi công tác cụ thể như sau:

STT	Số Km	Đơn giá khoán (Đồng/Km)
01	Từ 01 km đến 50 km	13.000
02	Từ 51 km đến 100 km	10.500
03	Từ 101 km đến 150 km	9.200
04	Từ 151 km đến 250 km	6.500
05	Từ trên 250 km	3.200

7. Đơn giá khoán điều chỉnh

Khi giá xăng biến động tăng (giảm) từ 30% so với giá xăng được áp dụng xây dựng đơn giá khoán tại khoản 6 Điều này; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện điều chỉnh đơn giá khoán theo giá xăng tại thời điểm điều chỉnh khoán, cụ thể như sau:

a) Công thức điều chỉnh đơn giá khoán:

$$\text{Đơn giá khoán điều chỉnh (gọi là ĐGKĐC)} = \text{Chi phí cố định (6.900 đồng/km)} + \left(\text{Giá xăng thời điểm khoán} \times \text{Định mức tiêu hao nhiên liệu (0,28 lít/km)} \right)$$

Trong đó:

- Chi phí cố định (gồm chi phí khấu hao, tiền lương tài xế, sửa chữa thường xuyên, bảo trì, bảo hiểm,...) chiếm 51% tổng chi phí, tương ứng 6.900 đồng/km.

- Định mức tiêu hao nhiên liệu (gồm xăng, thay nhớt định kỳ) chiếm 49% tổng chi phí bằng 0,28 lít xăng/km.

- Giá xăng thời điểm khoán là giá xăng được niêm yết trên thị trường tại thời điểm điều chỉnh đơn giá khoán.

b) Đơn giá khoán điều chỉnh áp dụng theo độ dài đoạn đường đưa đón hoặc đi công tác cụ thể như sau:

STT	Số Km	Đơn giá khoán điều chỉnh (Đồng/Km)
01	Từ 01 km đến 50 km	ĐGKĐC x 100%
02	Từ 51 km đến 100 km	ĐGKĐC x 80%
03	Từ 101 km đến 150 km	ĐGKĐC x 70%
04	Từ 151 km đến 250 km	ĐGKĐC x 50%
05	Từ trên 250 km	ĐGKĐC x 25%

Điều 3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước trong việc thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác

1. Xác định số km từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày làm việc thực tế trong tháng của từng chức danh nhận khoán; xác định số km bình quân từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại, số ngày đưa, đón bình quân hàng tháng của các chức danh có tiêu chuẩn đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Quyết định này.

2. Xác định tổng số km thực tế của từng lần đi công tác của từng chức danh nhận khoán; xác định số km đi công tác bình quân hàng tháng của chức danh áp dụng khoán theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước tổ chức thực hiện việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Kiên Giang; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

4. Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu phát sinh vướng mắc, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh kịp thời cho các Sở, ngành có liên quan để được hướng dẫn thực hiện; trường hợp vượt thẩm quyền thì các Sở, ngành trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc VN tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh Kiên Giang;
- TV UBND tỉnh;
- Như Điều 4 của QĐ;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, nvphuong

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lâm Minh Thành